

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



N184

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY, AND QUALITY

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 1

SMALL AND MEDIUM ENTERPRISE DEVELOPMENT SUPPORT CENTER 1

Số 8 Hoàng Quốc Việt – Cầu Giấy – Hà Nội * ĐT: (04)37567285/Fax: (04)37564244 * www.smedec.gov.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (№): **MC.349.19N**

Tên đối tượng (Object): **Quả cân chuẩn**

Kiểu (Type): **Có hốc điều chỉnh** Số (Serial No)/Mã QL (Tag No): **01÷**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

- Khối lượng danh nghĩa (Nominal Mass): **20 kg** - Số lượng (Quantity of weights): **42 quả**
- Cấp chính xác (accuracy): **M1**
- Vật liệu (Material): **Gang đúc (xám)**
- Khối lượng riêng (Density): **7100 kg/m³**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Kỹ thuật Đo lường Sài Gòn Miền Nam**
79/13 Lê Văn Chí, Khu phố 3, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 286:2015**

Chuẩn được sử dụng (Standard used): **F1**

Kết quả (Results): **Xem trang sau (see results in next page)**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **29/12/2020**

 **Trưởng phòng thí nghiệm**
(Head of the calibration Laboratory)



Lê Danh Huy

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2019
(Date of issue)

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Trọng Lợi

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Đính kèm giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: MC.349.19N)

CALIBRATION RESULTS

(Calibration Certificate N^o: MC.349.18 enclosed)

TT (N ^o)	Khối lượng danh nghĩa (Nominal value) (g)	Khối lượng quy ước (Conventional mass) (g)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) (g)	Sai số cho phép lớn nhất (mpe) (g)	Cấp chính xác (Accuracy class) (g)
01	20000	20000.1	0.22	± 1	M1
02	20000	20000.2	0.22	± 1	M1
03	20000	20000.2	0.22	± 1	M1
04	20000	20000.0	0.22	± 1	M1
05	20000	20000.1	0.22	± 1	M1
06	20000	20000.1	0.22	± 1	M1
07	20000	20000.1	0.22	± 1	M1
08	20000	19999.9	0.22	± 1	M1
09	20000	20000.1	0.22	± 1	M1
10	20000	20000.2	0.22	± 1	M1
11	20000	20000.1	0.22	± 1	M1
12	20000	20000.1	0.22	± 1	M1
13	20000	20000.1	0.22	± 1	M1
14	20000	20000.2	0.22	± 1	M1
15	20000	20000.2	0.22	± 1	M1
16	20000	20000.2	0.22	± 1	M1
17	20000	20000.1	0.22	± 1	M1
18	20000	20000.1	0.22	± 1	M1
19	20000	20000.2	0.22	± 1	M1
20	20000	20000.1	0.22	± 1	M1
21	20000	20000.2	0.22	± 1	M1
22	20000	19999.9	0.22	± 1	M1
23	20000	20000.1	0.22	± 1	M1
24	20000	20000.2	0.22	± 1	M1

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Đính kèm giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: MC.349.19N)

CALIBRATION RESULTS

(Calibration Certificate N^o: MC.349.18 enclosed)

TT (N ^o)	Khối lượng danh nghĩa (Nominal value) (g)	Khối lượng quy ước (Convention al mass) (g)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) (g)	Sai số cho phép lớn nhất (mpe) (g)	Cấp chính xác (Accuracy class) (g)
25	20000	20000.1	0.22	± 1	M1
26	20000	20000.1	0.22	± 1	M1
27	20000	19999.9	0.22	± 1	M1
28	20000	19999.9	0.22	± 1	M1
29	20000	20000.2	0.22	± 1	M1
30	20000	19999.9	0.22	± 1	M1
31	20000	20000.2	0.22	± 1	M1
32	20000	20000.2	0.22	± 1	M1
33	20000	20000.2	0.22	± 1	M1
34	20000	19999.9	0.22	± 1	M1
35	20000	20000.1	0.22	± 1	M1
36	20000	20000.2	0.22	± 1	M1
37	20000	20000.2	0.22	± 1	M1
38	20000	20000.2	0.22	± 1	M1
39	20000	20000.1	0.22	± 1	M1
40	20000	20000.3	0.22	± 1	M1
41	20000	20000.2	0.22	± 1	M1
42	20000	20000.2	0.22	± 1	M1

* Độ không đảm bảo đo U được tính với độ tin cậy P = 95.5% (hệ số phủ k = 2)

* Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ bắt đầu 20oC Kết thúc: 21oC
- Độ ẩm 65%RH

Người hiệu chuẩn



Lê Danh Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



N184

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY, AND QUALITY

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 1

SMALL AND MEDIUM ENTERPRISE DEVELOPMENT SUPPORT CENTER 1

Số 8 Hoàng Quốc Việt – Cầu Giấy – Hà Nội * ĐT: (04)37567285/Fax: (04)37564244 * www.smedec.gov.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): **MC.350.19N**

Tên đối tượng (Object): **Quả cân chuẩn**

Kiểu (Type): **Có hốc điều chỉnh**

Số (Serial No)/Mã QL (Tag No): **01 ÷ 15**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

- Khối lượng danh nghĩa (Nominal Mass): **10 kg** - Số lượng (Quantity of weights): **15 quả**
- Cấp chính xác (accuracy): **M1**
- Vật liệu (Material): **Gang đúc (xám)**
- Khối lượng riêng (Density): **7100 kg/m³**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Kỹ thuật Đo lường Sài Gòn Miền Nam**

79/13 Lê Văn Chí, Khu phố 3, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 286:2015**

Chuẩn được sử dụng (Standard used): **F1**

Kết quả (Results): **Xem trang sau (see results in next page)**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **29/2/2020**

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of the calibration Laboratory)

Lê Danh Huy

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2019

(Date of issue)

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Trọng Lợi

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Đính kèm giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: MC.350.19N)

CALIBRATION RESULTS

(Calibration Certificate N^o: MC.350.19N enclosed)

TT (N ^o)	Khối lượng danh nghĩa (Nominal value) (g)	Khối lượng quy ước (Convention al mass) (g)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) (g)	Sai số cho phép lớn nhất (mpe) (g)	Cấp chính xác (Accuracy class) (g)
01	10000	10000,1	0,16	± 0.5	M1
02	10000	10000,1	0,16	± 0.5	M1
03	10000	10000,1	0,16	± 0.5	M1
04	10000	10000,1	0,16	± 0.5	M1
05	10000	10000,1	0,16	± 0.5	M1
06	10000	10000,1	0,16	± 0.5	M1
07	10000	10000,1	0,16	± 0.5	M1
08	10000	10000,2	0,16	± 0.5	M1
09	10000	10000,2	0,16	± 0.5	M1
10	10000	10000,2	0,16	± 0.5	M1
11	10000	10000,2	0,16	± 0.5	M1
12	10000	10000,1	0,16	± 0.5	M1
13	10000	10000,2	0,16	± 0.5	M1
14	10000	10000,2	0,16	± 0.5	M1
15	10000	10000,1	0,16	± 0.5	M1

* Độ không đảm bảo đo U được tính với độ tin cậy P = 95.5% (hệ số phủ k = 2)

* Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ bắt đầu 20°C Kết thúc: 21°C
- Độ ẩm 65%RH

Người hiệu chuẩn



Lê Danh Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



N184

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY, AND QUALITY

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 1

SMALL AND MEDIUM ENTERPRISE DEVELOPMENT SUPPORT CENTER 1

Số 8 Hoàng Quốc Việt – Cầu Giấy – Hà Nội * ĐT: (04)37567285/Fax: (04)37564244 * www.smedec.gov.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): **MC.351.19N**

Tên đối tượng (Object): **Quả cân chuẩn**

Kiểu (Type): *Có hốc điều chỉnh*

Số (Serial No)/Mã QL (Tag No): **01 ÷ 02**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

- Khối lượng danh nghĩa (Nominal Mass): **5 kg** - Số lượng (Quantity of weights): **02 quả**
- Cấp chính xác (accuracy): **M1**
- Vật liệu (Material): **Gang đúc (xám)**
- Khối lượng riêng (Density): **7100 kg/m³**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Kỹ thuật Đo lường Sài Gòn Miền Nam**

79/13 Lê Văn Chí, Khu phố 3, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 286:2015**

Chuẩn được sử dụng (Standard used): **F1**

Kết quả (Results): **Xem trang sau (see results in next page)**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **29/02/2020**

 **Trưởng phòng thí nghiệm**
(Head of the calibration Laboratory)



Lê Danh Huy

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2019
(Date of issue)

GIÁM ĐỐC

Director





KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Đính kèm giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: MC.351.19N)

CALIBRATION RESULTS

(Calibration Certificate N^o: MC.351.19N enclosed)

TT (N ^o)	Khối lượng danh nghĩa (Nominal value) (g)	Khối lượng quy ước (Convention al mass) (g)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) (g)	Sai số cho phép lớn nhất (mpe) (g)	Cấp chính xác (Accuracy class) (g)
01	5000	5000.02	0.03	± 0.25	M1
02	5000	5000.01	0.03	± 0.25	M1

* Độ không đảm bảo đo U được tính với độ tin cậy P = 95.5% (hệ số phủ k=2)

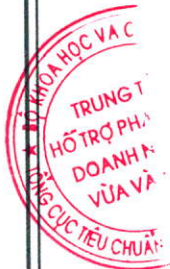
* Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ bắt đầu 20°C Kết thúc: 21°C
- Độ ẩm 65%RH

Người hiệu chuẩn



Lê Danh Huy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



N184

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY, AND QUALITY

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 1

SMALL AND MEDIUM ENTERPRISE DEVELOPMENT SUPPORT CENTER 1

Số 8 Hoàng Quốc Việt – Cầu Giấy – Hà Nội * ĐT: (04)37567285/Fax: (04)37564244 * www.smedec.gov.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): **MC.352.19N**

Tên đối tượng (Object): **Quả cân chuẩn**

Kiểu (Type): **Có hốc điều chỉnh**

Số (Serial No)/Mã QL (Tag No): **19021503**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

- Khối lượng danh nghĩa (Nominal Mass): **1 kg** - Số lượng (Quantity of weights): **01 quả**
- Cấp chính xác (accuracy): **M1**
- Vật liệu (Material): **Sắt**
- Khối lượng riêng (Density): **7800 kg/m³**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Kỹ thuật Đo lường Sài Gòn Miền Nam**

79/13 Lê Văn Chí, Khu phố 3, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 286:2015**

Tem hiệu chuẩn số (Calibration stamp No): **11504**

Chuẩn được sử dụng (Standard used): **F1**

Kết quả (Results): **Xem trang sau (see results in next page)**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **29/02/2020**

P. Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of the calibration Laboratory)

Lê Danh Huy

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2019
(Date of issue)

GIÁM ĐỐC
Director



Nguyễn Trọng Lợi

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Đính kèm giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: MC.352.19N)

CALIBRATION RESULTS

(Calibration Certificate N^o: MC.352.19N enclosed)

TT (N ^o)	Khối lượng danh nghĩa (Nominal value) (g)	Khối lượng quy ước (Convention al mass) (g)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) (g)	Sai số cho phép lớn nhất (mpe) (g)	Cấp chính xác (Accuracy class) (g)
19021503	1000	999.99	0.01	± 0.05	M1

* Độ không đảm bảo đo U được tính với độ tin cậy P = 95.5% (hệ số phủ k=2)

* Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ bắt đầu 20°C Kết thúc: 21°C
- Độ ẩm 65%RH

Người hiệu chuẩn



Lê Danh Huy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



N184

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY, AND QUALITY

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 1

SMALL AND MEDIUM ENTERPRISE DEVELOPMENT SUPPORT CENTER 1

Số 8 Hoàng Quốc Việt – Cầu Giấy – Hà Nội * ĐT: (04)37567285/Fax: (04)37564244 * www.smedec.gov.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): **MC.353.19N**

Tên đối tượng (Object): **Quả cân chuẩn**

Kiểu (Type): *Có hốc điều chỉnh* Số (Serial No)/Mã QL (Tag No): **19021502**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

- Khối lượng danh nghĩa (Nominal Mass): **1 kg** - Số lượng (Quantity of weights): **01 quả**
- Cấp chính xác (accuracy): **M1**
- Vật liệu (Material): **Sắt**
- Khối lượng riêng (Density): **7800 kg/m³**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Kỹ thuật Đo lường Sài Gòn Miền Nam**

79/13 Lê Văn Chí, Khu phố 3, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

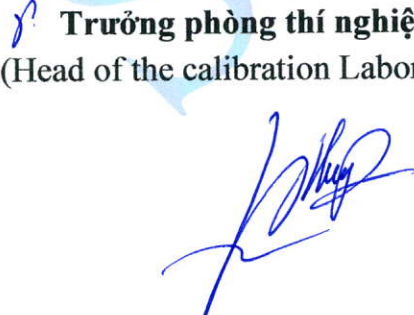
Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 286:2015**

Tem hiệu chuẩn số (Calibration stamp No): **11503**

Chuẩn được sử dụng (Standard used): **F1**

Kết quả (Results): **Xem trang sau (see results in next page)**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **29/02/2020**


Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of the calibration Laboratory)

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2019
(Date of issue)

GIÁM ĐỐC
Director



Lê Danh Huy

Trang: 1/2
(N° of page)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Hỗ trợ phát triển Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ 1 (SMEDEC1)
(This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without approval of SMEDEC1 Centre))

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Đính kèm giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: MC.353.19N)

CALIBRATION RESULTS

(Calibration Certificate N^o: MC.353.19N enclosed)

TT (N ^o)	Khối lượng danh nghĩa (Nominal value) (g)	Khối lượng quy ước (Convention al mass) (g)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) (g)	Sai số cho phép lớn nhất (mpe) (g)	Cấp chính xác (Accuracy class) (g)
19021502	1000	1000.01	0.01	± 0.05	M1

* Độ không đảm bảo đo U được tính với độ tin cậy P = 95.5% (hệ số phủ k = 2)

* Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ bắt đầu 20°C Kết thúc: 21°C
- Độ ẩm 65%RH

Người hiệu chuẩn



Lê Danh Huy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



N184

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY, AND QUALITY

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 1

SMALL AND MEDIUM ENTERPRISE DEVELOPMENT SUPPORT CENTER 1

Số 8 Hoàng Quốc Việt – Cầu Giấy – Hà Nội * ĐT: (04)37567285/Fax: (04)37564244 * www.smedec.gov.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): **MC.354.19N**

Tên đối tượng (Object): **Quả cân chuẩn**

Kiểu (Type): *Có hốc điều chỉnh* Số (Serial No)/Mã QL (Tag No): **19021508**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

- Khối lượng danh nghĩa (Nominal Mass): **1 kg** - Số lượng (Quantity of weights): **01 quả**
- Cấp chính xác (accuracy): **M1**
- Vật liệu (Material): **Sắt**
- Khối lượng riêng (Density): **7800 kg/m³**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Kỹ thuật Đo lường Sài Gòn Miền Nam**

79/13 Lê Văn Chí, Khu phố 3, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 286:2015**

Tem hiệu chuẩn số (Calibration stamp No): **11508**

Chuẩn được sử dụng (Standard used): **F1**

Kết quả (Results): **Xem trang sau (see results in next page)**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **29/02/2020**

1. Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of the calibration Laboratory)

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2019
(Date of issue)

GIÁM ĐỐC
Director

Lê Danh Huy



Trang: 1/2
(N° of page)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Hỗ trợ phát triển Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ 1 (SMEDEC1)
(This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without approval of SMEDEC1 Centre))

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Đính kèm giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: MC.354.19N)

CALIBRATION RESULTS

(Calibration Certificate N^o: MC.354.19N enclosed)

TT (N ^o)	Khối lượng danh nghĩa (Nominal value) (g)	Khối lượng quy ước (Convention al mass) (g)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) (g)	Sai số cho phép lớn nhất (mpe) (g)	Cấp chính xác (Accuracy class) (g)
19021508	1000	1000.01	0.01	± 0.05	M1

* Độ không đảm bảo đo U được tính với độ tin cậy P = 95.5% (hệ số phủ k = 2)

* Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ bắt đầu 20°C Kết thúc: 21°C
- Độ ẩm 65%RH

Người hiệu chuẩn



Lê Danh Huy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



N184

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY, AND QUALITY

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 1

SMALL AND MEDIUM ENTERPRISE DEVELOPMENT SUPPORT CENTER 1

Số 8 Hoàng Quốc Việt – Cầu Giấy – Hà Nội * ĐT: (04)37567285/Fax: (04)37564244 * www.smedec.gov.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): **MC.357.19N**

Tên đối tượng (Object): **Quả cân chuẩn**

Kiểu (Type): **Có hốc điều chỉnh** Số (Serial No)/Mã QL (Tag No): **19021506**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

- Khối lượng danh nghĩa (Nominal Mass): **1 kg** - Số lượng (Quantity of weights): **01 quả**
- Cấp chính xác (accuracy): **M1**
- Vật liệu (Material): **Sắt**
- Khối lượng riêng (Density): **7800 kg/m³**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Kỹ thuật Đo lường Sài Gòn Miền Nam**

79/13 Lê Văn Chí, Khu phố 3, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 286:2015**

Tem hiệu chuẩn số (Calibration stamp No): **11507**

Chuẩn được sử dụng (Standard used): **F1**

Kết quả (Results): **Xem trang sau (see results in next page)**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **29/02/2020**

P. Trưởng phòng thí nghiệm

(Head of the calibration Laboratory)

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2019

(Date of issue)

GIÁM ĐỐC

Director

Lê Danh Huy



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Đính kèm giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: MC.357.19N)

CALIBRATION RESULTS

(Calibration Certificate N^o: MC.357.19N enclosed)

TT (N ^o)	Khối lượng danh nghĩa (Nominal value) (g)	Khối lượng quy ước (Convention al mass) (g)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) (g)	Sai số cho phép lớn nhất (mpe) (g)	Cấp chính xác (Accuracy class) (g)
19021506	1000	1000.01	0.01	± 0.05	M1

* Độ không đảm bảo đo U được tính với độ tin cậy P = 95.5% (hệ số phủ k = 2)

* Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ bắt đầu 20°C Kết thúc: 21°C
- Độ ẩm 65%RH

Người hiệu chuẩn



Lê Danh Huy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



N184

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY, AND QUALITY

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 1

SMALL AND MEDIUM ENTERPRISE DEVELOPMENT SUPPORT CENTER 1

Số 8 Hoàng Quốc Việt – Cầu Giấy – Hà Nội * ĐT: (04)37567285/Fax: (04)37564244 * www.smedec.gov.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): **MC.356.19N**

Tên đối tượng (Object): **Quả cân chuẩn**

Kiểu (Type): *Có hốc điều chỉnh* Số (Serial No)/Mã QL (Tag No): **19021504**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

- Khối lượng danh nghĩa (Nominal Mass): **1 kg** - Số lượng (Quantity of weights): **01 quả**
- Cấp chính xác (accuracy): **M1**
- Vật liệu (Material): **Sắt**
- Khối lượng riêng (Density): **7800 kg/m³**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Kỹ thuật Đo lường Sài Gòn Miền Nam**

79/13 Lê Văn Chí, Khu phố 3, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 286:2015**

Tem hiệu chuẩn số (Calibration stamp No): **11505**

Chuẩn được sử dụng (Standard used): **F1**

Kết quả (Results): **Xem trang sau (see results in next page)**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **29/02/2020**

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of the calibration Laboratory)

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2019
(Date of issue)

GIÁM ĐỐC
Director

Lê Danh Huy



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Đính kèm giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: MC.356.19N)

CALIBRATION RESULTS

(Calibration Certificate N^o: MC.356.19N enclosed)

TT (N ^o)	Khối lượng danh nghĩa (Nominal value) (g)	Khối lượng quy ước (Convention al mass) (g)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) (g)	Sai số cho phép lớn nhất (mpe) (g)	Cấp chính xác (Accuracy class) (g)
19021504	1000	1000.01	0.01	± 0.05	M1

* Độ không đảm bảo đo U được tính với độ tin cậy P = 95.5% (hệ số phủ k = 2)

* Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ bắt đầu 20°C Kết thúc: 21°C
- Độ ẩm 65%RH

Người hiệu chuẩn



Lê Danh Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



N184

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY, AND QUALITY

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 1

SMALL AND MEDIUM ENTERPRISE DEVELOPMENT SUPPORT CENTER 1

Số 8 Hoàng Quốc Việt – Cầu Giấy – Hà Nội * ĐT: (04)37567285/Fax: (04)37564244 * www.smedec.gov.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N°): **MC.355.19N**

Tên đối tượng (Object): **Quả cân chuẩn**

Kiểu (Type): *Có hốc điều chỉnh* Số (Serial No)/Mã QL (Tag No): *19021507*

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

- Khối lượng danh nghĩa (Nominal Mass): **1 kg** - Số lượng (Quantity of weights): **01 quả**
- Cấp chính xác (accuracy): **M1**
- Vật liệu (Material): **Sắt**
- Khối lượng riêng (Density): **7800 kg/m³**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Kỹ thuật Đo lường Sài Gòn Miền Nam**

79/13 Lê Văn Chí, Khu phố 3, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **DLVN 286:2015**

Tem hiệu chuẩn số (Calibration stamp No): **11509**

Chuẩn được sử dụng (Standard used): **F1**

Kết quả (Results): **Xem trang sau (see results in next page)**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **29/02/2020**

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of the calibration Laboratory)

Lê Danh Huy

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2019
(Date of issue)

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Trọng Lợi

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Đính kèm giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: MC.355.19N)

CALIBRATION RESULTS

(Calibration Certificate N^o: MC.355.19N enclosed)

TT (N ^o)	Khối lượng danh nghĩa (Nominal value) (g)	Khối lượng quy ước (Convention al mass) (g)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) (g)	Sai số cho phép lớn nhất (mpe) (g)	Cấp chính xác (Accuracy class) (g)
19021507	1000	1000.01	0.01	± 0.05	M1

* Độ không đảm bảo đo U được tính với độ tin cậy P = 95.5% (hệ số phủ k = 2)

* Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ bắt đầu 20°C Kết thúc: 21°C
- Độ ẩm 65%RH

Người hiệu chuẩn



Lê Danh Huy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



N184

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY, AND QUALITY

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 1

SMALL AND MEDIUM ENTERPRISE DEVELOPMENT SUPPORT CENTER 1

Số 8 Hoàng Quốc Việt – Cầu Giấy – Hà Nội * ĐT: (04)37567285/Fax: (04)37564244 * www.smedec.gov.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (№): **MC.359.19N**

Tên đối tượng (Object): **Quả cân chuẩn**

Kiểu (Type): *Có hốc điều chỉnh*

Số (Serial No)/Mã QL (Tag No): **19021505**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

- Khối lượng danh nghĩa (Nominal Mass): **1 kg**
- Số lượng (Quantity of weights): **01 quả**
- Cấp chính xác (accuracy): **M1**
- Vật liệu (Material): **Sắt**
- Khối lượng riêng (Density): **7800 kg/m³**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Kỹ thuật Đo lường Sài Gòn Miền Nam**

79/13 Lê Văn Chí, Khu phố 3, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 286:2015**

Tem hiệu chuẩn số (Calibration stamp No): **11506**

Chuẩn được sử dụng (Standard used): **F1**

Kết quả (Results): **Xem trang sau (see results in next page)**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **29/02/2020**

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of the calibration Laboratory)

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2019
(Date of issue)

GIÁM ĐỐC
Director

Lê Danh Huy



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Đính kèm giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: MC.359.19N)

CALIBRATION RESULTS

(Calibration Certificate N^o: MC.39~~9~~19N enclosed)

TT (N ^o)	Khối lượng danh nghĩa (Nominal value) (g)	Khối lượng quy ước (Convention al mass) (g)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) (g)	Sai số cho phép lớn nhất (mpe) (g)	Cấp chính xác (Accuracy class) (g)
19021505	1000	1000.01	0.01	± 0.05	M1

* Độ không đảm bảo đo U được tính với độ tin cậy P = 95.5% (hệ số phủ k = 2)

* Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ bắt đầu 20°C Kết thúc: 21°C
- Độ ẩm 65%RH

Người hiệu chuẩn



Lê Danh Huy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



N184

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY, AND QUALITY

TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 1

SMALL AND MEDIUM ENTERPRISE DEVELOPMENT SUPPORT CENTER 1

Số 8 Hoàng Quốc Việt – Cầu Giấy – Hà Nội * ĐT: (04)37567285/Fax: (04)37564244 * www.smedec.gov.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

CALIBRATION CERTIFICATE

Số (N^o): **MC.358.19N**

Tên đối tượng (Object): **Quả cân chuẩn**

Kiểu (Type): *Có hốc điều chỉnh*

Số (Serial No)/Mã QL (Tag No): **19021501**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

- Khối lượng danh nghĩa (Nominal Mass): **1 kg** - Số lượng (Quantity of weights): **01 quả**
- Cấp chính xác (accuracy): **M1**
- Vật liệu (Material): **Sắt**
- Khối lượng riêng (Density): **7800 kg/m³**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH Kỹ thuật Đo lường Sài Gòn Miền Nam**

79/13 Lê Văn Chí, Khu phố 3, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 286:2015**

Tem hiệu chuẩn số (Calibration stamp No): **11502**

Chuẩn được sử dụng (Standard used): **F1**

Kết quả (Results): **Xem trang sau (see results in next page)**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **29/02/2020**

P. Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of the calibration Laboratory)

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2019
(Date of issue)

GIÁM ĐỐC
Director

Lê Danh Huy



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Đính kèm giấy chứng nhận hiệu chuẩn số: MC.358.19N)

CALIBRATION RESULTS

(Calibration Certificate N^o: MC.398.19N enclosed)

TT (N ^o)	Khối lượng danh nghĩa (Nominal value) (g)	Khối lượng quy ước (Convention al mass) (g)	Độ không đảm bảo đo (Uncertainty) (g)	Sai số cho phép lớn nhất (mpe) (g)	Cấp chính xác (Accuracy class) (g)
19021501	1000	1000.01	0.01	± 0.05	M1

* Độ không đảm bảo đo U được tính với độ tin cậy P = 95.5% (hệ số phủ k = 2)

* Điều kiện môi trường:

- Nhiệt độ bắt đầu 20°C Kết thúc: 21°C
- Độ ẩm 65%RH

Người hiệu chuẩn



Lê Danh Huy